

Bản án số: 40/2020/DS-PT

Ngày: 17/6/2020

V/v “*Tranh chấp chia tài sản chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Sơn

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Hiếu

Ông Vũ Việt Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Duy Đức - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà Lương Thị Chung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15, 17 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2020/TLPT-DS ngày 16/01/2020, về “*Tranh chấp chia tài sản chung*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 32/2020/QĐPT-DS ngày 22/4/2020; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 31/2020/QĐ-PT ngày 13/5/2020; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 41/2020/QĐ-PT ngày 02/6/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Kim H, sinh năm: 1956; Địa chỉ: Thôn Q, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ liên lạc: Số 01 đường L, phường Mân Thái, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Lê Xuân D, sinh năm: 1959; Địa chỉ: K01/60 đường H, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2.2. Bà Lê Thanh B, sinh năm: 1975; Địa chỉ: Lô 67 đường H, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1961; Địa chỉ: K01/60 đường H, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

3.2. Ông Nguyễn Điện B, sinh năm: 1972; Địa chỉ: Lô 67 đường H, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

3.3. Bà Châu Thị H, sinh năm: 1961; Địa chỉ: Số 16 đường Đ, phường An Mỹ, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

3.4. Chị Lê Thị Châu N, sinh năm: 1986; Địa chỉ: Số 16 đường Đ, phường An Mỹ, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

3.5. Anh Lê Đình T, sinh năm: 1991; Địa chỉ: Số 16 đường Đ, phường An Mỹ, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Có đơn đề nghị vắng mặt tại phần tuyên án.

3.6. Ông Lê Quốc H, sinh năm: 1963; Địa chỉ: K922/22 đường T, phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Có đơn đề nghị vắng mặt tại phần tuyên án.

3.7. Bà Lê Thu H, sinh năm: 1966; Địa chỉ: Số 37 đường T, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Có đơn đề nghị vắng mặt tại phần tuyên án.

3.8. Ông Lê Chiến C, sinh năm: 1968; Địa chỉ: Số 01 đường L, phường Mân Thái, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

3.9. Ban giải phóng mặt bằng huyện H, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng; Địa chỉ: Thôn D, xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

3.10. Bà Lê Thị Xuân A, sinh năm: 1983; Địa chỉ: K01/60 đường H, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Lê Xuân Dương, bà Lê Thanh B; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Đình T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bà Lê Thị Kim H trình bày:*

Nguyên trước đây cô của bà là cụ Lê Thị Dung có để lại di chúc cho 07 anh em gồm: Lê Thị Kim H, Lê Xuân D, Lê Hồng S, Lê Quốc H, Lê Thu H, Lê Chiến C và Lê Thanh B diện tích 350m² đất nằm trong diện tích đất 1.592m² tại tờ bản đồ số 07, thửa đất số 118 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 987877 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 18/8/2009 tại thôn Quá Giáng 2, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Cụ Dung chết năm 2009, trên cơ sở bản di chúc các anh em bà đã lập tờ khai di sản thừa kế vào ngày 02/11/2009 có chứng thực của UBND xã Hòa Phước thống nhất giao phần đất này cho ông Lê Xuân D và bà Lê Thanh B đứng tên đại diện cho các anh em. Tuy nhiên, việc mua bán, tặng cho, chuyển nhượng, hay quyền lợi gì đối với lô đất phải có sự thống nhất của các anh chị em trong gia đình.

Ngày 29/4/2010, UBND huyện Hòa Vang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 513758 đứng tên ông Lê Xuân D và bà Lê Thanh B có thửa đất số 1179, tờ bản đồ số 7, diện tích 350m² tại thôn Quá Giáng 2, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Vào năm 2012, các anh em có thống nhất tạo điều kiện cho vợ chồng bà Bình được làm nhà trên đất để ở tạm.

Năm 2015, Nhà nước có chủ trương thu hồi giải tỏa đất, thửa đất số 1179, tờ bản đồ số 7, diện tích 350m² bị thu hồi, Nhà nước có đền bù tiền đất nhưng không biết ai đã nhận số tiền này và sử dụng vào mục đích gì. Đối với đất thì được bố trí tái định cư 02 lô đất, gồm lô 66 (lô chính) và 67 (lô phụ) tại đường H, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 08/7/2016, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng bàn giao 02 lô đất số 66 và 67 trên cho ông Nguyễn Điện B (là chồng bà B), trong thông báo nộp tiền sử dụng đất thì 02 lô đất này đứng tên ông Lê Xuân D, bà Nguyễn Thị L (vợ ông D) và ông Nguyễn Điện B, bà Lê Thanh B (vợ chồng bà B), nhưng 02 lô đất này là tài sản thuộc quyền sử dụng chung của 07 anh chị em. Tiền đất vẫn còn nợ Nhà nước.

Sau khi nhận đất, vợ chồng bà B đã xây dựng nhà trên lô đất số 67 đường H, xã Hòa Phước, thành phố Đà Nẵng nhưng bà không thống nhất.

Nay bà khởi kiện yêu cầu chia 02 lô đất số 66 và 67 tại đường H, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng cho các đồng thừa kế (mỗi người được 1/7 giá trị tài sản). Bà xin được nhận tài sản bằng hiện vật là lô số 66, đồng ý thôi trả giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế; còn giao lô đất số 67 cho bà B sử dụng và bà B có nghĩa vụ thôi trả giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế sau khi đã trừ đi tiền nộp thuế cho Nhà nước.

Đối với tiền đất được bồi thường, bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Đối với các tài sản trên lô đất số 67 là của vợ chồng bà B, bà không có yêu cầu gì.

Đối với yêu cầu độc lập của bà Lê Thị Xuân A, yêu cầu ông Lê Chiến C tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với lô đất số 66 tại đường H, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng giữa bà A với ông C theo Giấy đồng đặt cọc ngày 30/3/2018. Bà Hoa cho rằng việc đặt cọc mua bán đất không được sự đồng ý của bà, bà cũng không đồng ý việc chuyển nhượng đất nên không liên quan đến bà, ông C và bà A tự giải quyết với nhau.

** Bị đơn ông Lê Xuân D trình bày:*

Ông D xác nhận lời trình bày của bà H về nguồn gốc lô đất và hàng thừa kế là đúng. Năm 2012, vợ chồng bà B làm ăn thua lỗ nên anh em có thống nhất cho vợ chồng bà B 100m² đất trên 350m² mà cụ Dung lập di chúc cho để xây dựng nhà ở và vợ chồng bà B đã xây dựng nhà và ở ổn định từ đó đến khi giải tỏa.

Năm 2015, Nhà nước có chủ trương thu hồi giải tỏa đất, lô đất này bị thu hồi, Nhà nước có đền bù tiền đất và bố trí tái định cư 02 lô đất là lô đất số 66 (lô chính) và 67 (lô phụ) tại đường H, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 08/7/2016, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng bàn giao 02 lô đất số 66 và 67 tại đường H, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang cho ông Nguyễn Điện B là người đến liên hệ nhận đất, trong thông báo nộp tiền sử dụng đất thì 02 lô đất này đứng tên ông Lê Xuân D, bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Điện B, bà Lê Thanh B. Tuy nhiên, 02 lô đất này là tài sản và thuộc quyền sử dụng chung của 07 anh chị em. Tiền đất vẫn còn nợ Nhà nước.

Sau khi nhận đất, 07 anh chị em thống nhất cho vợ chồng bà Lê Thanh B lô đất số 67 đường H, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang và phải chịu nghĩa vụ nộp tiền đất cho Nhà nước, vợ chồng bà B đã xây dựng nhà trên đất này, có giấy phép xây dựng của UBND huyện Hòa Vang ngày 23/8/2016. Còn lại lô đất số 66, các anh em thống nhất chia làm 06 phần, bà B không được nhận quyền lợi đối với lô đất này vì các anh em đã thống nhất cho bà B lô đất số 67.

Nay ông Dương không thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà H, yêu cầu các anh em cho vợ chồng bà B lô đất số 67 để ở và bà B phải chịu nghĩa vụ nộp tiền cho Nhà nước. Còn lại lô đất số 66, các anh em thống nhất chia làm 06 phần cho 06 người còn lại.

Đối với yêu cầu độc lập của bà Lê Thị Xuân A, yêu cầu ông Lê Chiến C (là người đại diện của gia đình 7 chị em) tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với lô đất số 66 tại đường H, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng giữa bà A với ông C theo giấy đặt cọc ngày 30/3/2018. Ông D cho rằng việc bà A đặt cọc mua lô đất số 66 đều được sự thống nhất của các anh chị em, không chỉ riêng gì ông C. Do đó, đề nghị các đồng thừa kế tiếp tục thực hiện hợp đồng đặt cọc cho bà A.

** Bị đơn bà Lê Thanh B trình bày:*

Bà B xác nhận lời trình bày của ông Lê Xuân D là đúng và đồng ý với ý kiến ông Lê Xuân D vào năm 2012, các anh chị thống nhất cho vợ chồng bà diện tích 100m² trong phần diện tích đất 350m² được nhận thừa kế của cụ Dung, vợ chồng bà đã xây dựng nhà trên đất và ở ổn định từ đó đến khi giải tỏa năm 2015, được bố trí 02 lô đất số 66 và 67.

Sau khi nhận đất, 07 anh chị thống nhất cho vợ chồng bà lô đất số 67 đường H, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng và phải chịu nghĩa vụ nộp tiền

thuế cho Nhà nước, vợ chồng bà đã xây dựng nhà trên đất này, có giấy phép xây dựng của UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 23/8/2016. Do đó bà Hoa khởi kiện chia tài sản chung cả hai lô đất, bà không đồng ý. Lô đất số 66, các anh chị thống nhất chia làm 06 phần, bà không nhận quyền lợi đối với lô đất này vì các anh chị đã thống nhất cho bà lô đất số 67.

Đối với yêu cầu độc lập của bà Lê Thị Xuân A, yêu cầu ông Lê Chiến C (là người đại diện của gia đình 7 chị em) tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với lô đất số 66 tại đường H, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng giữa bà A với ông C theo giấy đặt cọc ngày 30/3/2018. Bà Bình thống nhất với ý kiến của ông D, bà đề nghị các đồng thừa kế tiếp tục thực hiện hợp đồng đặt cọc cho bà A.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Quốc H trình bày:*

Quá trình giải quyết vụ án, ông Hải xác nhận lời trình bày của ông Lê Xuân D, bà Lê Thanh B là đúng và đồng ý với ý kiến ông D và bà B. Tại phiên tòa ông H thay đổi ý kiến, nếu bà H, ông C, bà H không cho bà Bình lô đất số 67 như trước đây thì ông cũng không cho bà Bình lô đất số 67 nữa. Ông đồng ý chia đều 02 lô đất số 66 và 67 cho 07 anh chị em, ông nhận 1/7 giá trị tài sản, ông xin nhận hiện vật là lô đất số 66, còn giao lô đất số 67 cho bà B. Ai nhận hiện vật thì có nghĩa vụ bồi trả giá trị lại cho những người khác.

Đối với yêu cầu độc lập của bà A, trước đây ông đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng với bà A. Nhưng nay ông đã thay đổi ý kiến xin nhận hiện vật nên ông không đồng ý.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Chiến C trình bày:*

Ông C xác nhận lời trình bày của bà Lê Thị Kim H là đúng và đồng ý với ý kiến của bà H. Ông không thống nhất cho bà Bình lô đất số 67 tại đường H, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu chia đều giá trị lô đất số 66 và 67 tại đường H, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng cho 07 anh, chị, em, ông đồng ý, ông xin nhận 1/7 giá trị tài sản chung, sau khi đã trừ đi tiền nộp cho Nhà nước.

Ông xin được nhận bằng hiện vật là lô đất số 66, đồng ý bồi trả giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế. Đối với lô đất số 67 ông đồng ý giao cho bà Bình sử dụng, yêu cầu bà B bồi trả giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế.

Đối với yêu cầu độc lập của bà Lê Thị Xuân A, yêu cầu ông (là người đại diện của gia đình 7 chị em) tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với lô đất số 66 tại đường H, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang giữa bà Lê Thị Xuân A với ông theo giấy đặt cọc ngày 30/3/2018. Ông C cho rằng việc đặt cọc đó bà A không thực hiện đúng cam kết, đồng thời lô đất số 66 là tài sản chung của 07 anh chị em nên ông không có quyền quyết định tất cả, nay bà A yêu cầu tiếp tục thực

hiện hợp đồng đặt cọc, ông không đồng ý, ông xin trả lại số tiền 50.000.000 đồng cho bà A.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Điện B trình bày:*

Ông B xác nhận lời trình bày của bà Lê Thanh B là đúng và đồng ý với ý kiến của Lê Thanh B.

Năm 2015, Nhà nước có chủ trương thu hồi giải tỏa đất, lô đất này bị thu hồi, Nhà nước có đền bù tiền đất và bố trí tái định cư 02 lô đất số 66 (lô chính) và 67 (lô phụ) tại đường H, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Tiền đất vẫn còn nợ Nhà nước.

Ngày 08/7/2016, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng bàn giao 02 lô đất số 66 và 67 tại đường H, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, trong thông báo nộp tiền sử dụng đất thì 02 lô đất này đứng tên ông Lê Xuân D, bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Điện B, bà Lê Thanh B, tuy nhiên 02 lô đất này là tài sản thuộc quyền sử dụng chung của 07 anh chị em gồm bà H, ông D, ông C, ông H, ông S, bà H và bà B. Ông đứng tên trong thông báo là do Trung tâm phát triển quỹ đất yêu cầu chứ 02 lô đất này là tài sản của 07 anh chị em bà B, ông B không có ý kiến gì. Hiện nay vợ chồng ông đã xây dựng nhà trên đất nên yêu cầu Tòa án giải quyết đảm bảo quyền lợi của ông đối với cả nhà và đất.

Đối với yêu cầu độc lập của bà A, ông đề nghị các bên nên tiếp tục thực hiện hợp đồng cho bà A.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Bà Liên xác nhận lời trình bày của ông Lê Xuân Dương là đúng và đồng ý với ý kiến ông Lê Xuân Dương. Bà đứng tên trong giấy tờ cấp đất tái định cư là do Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng yêu cầu chứ 02 lô đất này là tài sản của 07 anh chị em ông Dương, bà Liên không có ý kiến gì.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hồng Sơn (hiện đã chết), trong quá trình giải quyết đã có trình bày:*

Ông S xác nhận lời trình bày của ông Lê Xuân D là đúng và đồng ý với ý kiến ông Lê Xuân D.

Đối với số tiền đền bù đất khi giải tỏa giai đoạn đầu nhà nước thu hồi 87m² đất số tiền là 25.400.000 đồng, ông đã nhận và sử dụng vào mục đích xây mô mã cho ông bà; giai đoạn 2 giải tỏa trắng nhận 80.000.000 đồng, ông chi cho bà B 30.000.000 đồng tiền bồi thường đối với 100m² (mà trước đây anh em đã thống nhất cho bà B), còn 50.000.000 đồng ông chi xây dựng mô mã có chứng từ ông sẽ cung cấp cho Tòa án trong thời hạn 07 ngày.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lê Hồng S gồm: Bà Châu Thị H, chị Lê Thị Châu N, anh Lê Đình T (anh T là người ủy quyền của bà Châu Thị H, bà Lê

Thị Châu N) thống nhất với lời trình bày của cha là ông Lê Hồng S trước đây. Ông thống nhất giao lô đất số 67 cho bà Bình sử dụng, còn lô đất số 66 là tài sản chung đề nghị chia đều cho 06 người gồm bà H, ông D, ông C, ông H, hàng thừa kế của ông S, bà H, trừ bà B.

Đối với yêu cầu độc lập của bà A, ông T thống nhất đề nghị tiếp tục thực hiện hợp đồng đặt cọc ông C và bà A đã ký trước đây.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Xuân A (cũng là người có yêu cầu độc lập trong vụ án) trình bày:*

Bà là con của ông Lê Xuân D và bà Nguyễn Thị L (cháu của các ông (bà) H, H, B, C, H, S). Được sự đồng ý của tất cả các cô chú trong gia đình, ngày 30/3/2018 chú Lê Chiến C đại diện cho gia đình 07 anh chị em đứng ra nhận đặt cọc của bà số tiền 50.000.000 đồng để bán lô đất số 66 tại đường H, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng với giá chuyển nhượng 1.000.000.000 đồng. Tuy nhiên đến nay, các bên vẫn không thực hiện việc chuyển nhượng đất cho bà, nay bà yêu cầu ông Lê Chiến C (là người đại diện của gia đình 7 chị em) tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với lô đất số 66 cho bà.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thu H trình bày:*

Bà thống nhất với bà H và ông D về hàng thừa kế, nguồn gốc 02 lô đất số 66 và 67 tại đường H, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Bà xác định đây là tài sản chung của 07 anh chị em. Nên bà Kim H khởi kiện yêu cầu chia tài sản là 02 lô đất trên, bà đồng ý và xin nhận 1/7 giá trị của 02 lô đất. Bà xin nhận hiện vật cả 02 lô đất và đồng ý bồi trả giá trị cho các đồng thừa kế. Trong đó lô số 67 hiện bà B và ông B đã xây dựng nhà ở nếu bà được nhận bà bồi trả giá trị xây dựng cho bà B, ông B.

Đối với yêu cầu độc lập của bà A, bà cho rằng việc mua bán đất bà hoàn toàn không biết, việc mua bán đó đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà nên bà không đồng ý.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ban giải phóng mặt bằng huyện H (trước đây là Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng) có cử bà Huỳnh Thị Tuyết Hạnh tham gia, tuy nhiên về tổ tụng là không đảm bảo nên xác định vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.*

+ Tại phiên tòa, ông Nguyễn Điện B cung cấp cho Tòa án đơn đề nghị trưng cầu chứng cứ do bà Lê Thanh B viết (nhưng không có ký tên) kèm theo điện thoại, sau đó đã chuyển sang USB có nội dung ghi âm cuộc nói chuyện giữa ông C, bà H và ông S vào ngày 21/7/2018; ông Lê Xuân D nộp một cuốn sổ ghi nội dung nguyện vọng của cha ông trước khi chết.

+ Về kết quả định giá theo Chứng thư thẩm định giá số 45/TĐG-CT ngày 11/4/2019 của Công ty cổ phần thẩm định giá và dịch vụ tài chính Đà Nẵng giá mỗi lô

đất là 2.027.200.000 đồng, tại phiên tòa tất cả các đương sự không ai có yêu cầu định giá lại mà cùng thông nhất mức giá mỗi lô đất có giá 1.700.000.000 đồng.

** Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:*

Căn cứ: - các Điều 117, 207, 208, 218, 219, 328, 468 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim H đối với bà Lê Thanh B và ông Lê Xuân D về việc “Tranh chấp chia tài sản chung”.

Xác định hai lô đất số 66, 67 tại đường H, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng là tài sản chung của bà Lê Thị Kim H, ông Lê Xuân D, ông Lê Hồng S (người thừa kế của ông S là bà Châu Thị H, chị Lê Thị Châu N, anh Lê Đình T), ông Lê Quốc H, bà Lê Thu H, ông Lê Chiến C và bà Lê Thanh B.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Lê Thị Xuân A đối với ông Lê Chiến C về việc “Tiếp tục thực hiện hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất”

3. Giao lô đất số 66 (lô chính) tại đường H, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng cho bà Lê Thị Kim H, ông Lê Quốc H, ông Lê Chiến C, bà Lê Thu H đồng sở hữu. (Sơ đồ đất theo Biên bản bàn giao lô đất thực tế tại khu B - khu dân cư Nam cầu Cẩm Lệ giai đoạn 1, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang ngày 08/7/2016 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng).

Buộc bà Lê Thị Kim H, ông Lê Quốc H, ông Lê Chiến C, bà Lê Thu H có nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất theo thông báo 3450 ngày 11/7/2016 của Trung tâm phát triển quỹ đất Đà Nẵng.

4. Giao lô đất số 67 (lô phụ) tại đường H, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng cho bà Lê Thanh B quản lý, sử dụng. (Sơ đồ lô đất theo Biên bản bàn giao lô đất thực tế tại khu B - khu dân cư Nam cầu Cẩm Lệ giai đoạn 1, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang ngày 08/7/2016 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng).

Buộc bà Lê Thanh B có nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất theo thông báo 3451 ngày 11/7/2016 của Trung tâm phát triển quỹ đất Đà Nẵng.

5. Buộc bà Lê Thanh Bình có nghĩa vụ bồi trả cho ông Lê Xuân D, ông Lê Hồng S (người thừa kế của ông S là bà Châu Thị H, chị Lê Thị Châu N, anh Lê Đình T), mỗi người 219.203.749 đồng.

6. Buộc bà Lê Thanh B có nghĩa vụ thời trả cho bà Lê Thị Kim H, ông Lê Quốc H, ông Lê Chiến C, bà Lê Thu H mỗi người 45.823.328 đồng.

7. Buộc ông Lê Chiến C có nghĩa vụ trả lại cho bà Lê Thị Xuân A số tiền 50.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Bà Lê Thị Kim H, ông Lê Quốc H, ông Lê Chiến C, bà Lê Thu H, ông Lê Xuân D, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Điện B, bà Lê Thanh B, bà Châu Thị H, chị Lê Thị Châu N, anh Lê Đình T có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sở hữu, sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

8. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng và chi phí thẩm định giá là 13.000.000 đồng, các ông (bà) Lê Thị Kim H, Lê Xuân D, Lê Quốc H, Lê Thu H, Lê Chiến C, Lê Thanh B; người thừa kế của ông Lê Hồng S gồm bà Châu Thị H, chị Lê Thị Châu N, anh Lê Đình T phải chịu. Bà Lê Thị Kim H đã tạm ứng và chi phí hết, các ông (bà) Lê Xuân D, Lê Quốc H, Lê Thu H, Lê Chiến C, Lê Thanh B có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Kim H mỗi người 2.000.000 đồng; bà Châu Thị H, chị Lê Thị Châu N, anh Lê Đình T (cả ba người) có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Kim H 2.000.000 đồng.

9. Án phí dân sự sơ thẩm:

- + Bà Lê Thị Kim H, ông Lê Xuân D được miễn nộp án phí (người cao tuổi).
- + Ông Lê Chiến C phải chịu 23.677.000 đồng.
- + Bà Lê Thu Hà, ông Lê Quốc H mỗi người phải chịu 21.177.000 đồng.
- + Bà Lê Thanh B phải chịu 37.496.000 đồng.
- + Bà Châu Thị H, chị Lê Thị Châu N, anh Lê Đình T phải chịu 10.960.000 đồng.

+ Bà Lê Thị Xuân A phải chịu 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0002470 ngày 16/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà Vang.

+ Hoàn trả cho bà Lê Thị Kim H số tiền tạm ứng án phí 7.125.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0002727 ngày 02/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà Vang.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, trong hạn luật định ông Lê Xuân D, bà Lê Thanh B và ông Lê Đình T kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét toàn bộ nội dung và chứng cứ mà bị đơn và những người làm chứng cung cấp; triệu tập những người làm chứng để đánh giá khách quan bản chất sự việc.

** Tại phiên tòa, phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:*

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan như ông Nguyễn Điện B, bà Châu Thị , chị Lê Thị Châu N, Ban giải phóng mặt bằng huyện H không tham gia phiên tòa là thực hiện không đúng các Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Xuân D, bà Lê Thanh B và ông Lê Đình T. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng theo hướng:

- Tổng giá trị tài sản chung là lô đất số 66, lô 67 địa chỉ tại đường H, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng là 3.400.000.000đ. sau khi trừ đi nghĩa vụ tài chính cho nhà nước (nộp tiền sử dụng đất), trích công sức quản lý, phát triển tài sản chung 5% cho bà Lê Thanh B sẽ được chia đều cho 07 đồng sở hữu; phần của ông Sơn do bà Châu Thị H, chị Lê Thị Châu N, anh Lê Đình T được nhận;

- Giao Lô đất số 67 tại đường H, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng cho bà Bình quản lý, sử dụng;

- Giao lô đất số 66 tại đường H, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng cho bà Lê Thị Kim H, bà Lê Thị H, ông Lê Chiến C, ông Lê Văn H đồng quản lý, sử dụng.

- Các đương sự được nhận tài sản bằng hiện vật có trách nhiệm thanh toán bằng giá trị cho các đồng sở hữu khác bằng giá trị nếu quyền sử dụng đất mà họ được nhận cao hơn phần tài sản chung được chia.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Châu Thị H, chị Lê Thị Châu N, anh Lê Đình T, ông Lê Xuân D về việc tự nguyện cho giá trị được nhận tại lô đất 67 cho bà Lê Thanh B.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Xuân D về việc thay đổi ý kiến không cho bà Lê Thanh B giá trị tài sản được nhận tại lô đất số 67.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Điện B, bà Châu Thị H, chị Lê Thị Châu N, Ban giải phóng mặt bằng huyện H vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trên.

[2] Về nội dung vụ án: Xét kháng cáo của bị đơn là ông Lê Xuân D, bà Lê Thanh B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Đình T, thì thấy:

[2.1] Các ông (bà) Lê Thị Kim H, Lê Xuân D, Lê Quốc H, Lê Thu H, Lê Chiến C, Lê Thanh B, Lê Hồng S (chết) có người kế thừa là các ông (bà) Châu Thị H, Lê Thị Châu N, Lê Đình T xác nhận là các con của cụ Lê Đình Tri (đã chết); cụ Tri không có con riêng, vợ và cha mẹ của cụ Tri đều đã chết. Căn cứ Điều 651 Bộ luật dân sự thì hàng thừa kế thứ nhất của cụ Tri gồm ông (bà) Lê Thị Kim H, Lê Xuân D, Lê Quốc H Lê Thu H, Lê Chiến C, Lê Thanh B, Lê Hồng S.

[2.2] Nguồn gốc 02 lô đất số 66 và 67 đường H, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng là từ việc nhà nước giải tỏa thừa đất số 118, tờ bản đồ số 7 do UBND huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 18/8/2009 đứng tên cụ Lê Thị Dung (là em ruột của cụ Lê Đình Tri), được cụ Dung lập di chúc ngày 29/10/2007 để lại cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ Tri với diện tích đất 350m². Ngày 08/9/2009 cụ Dung chết, ngày 29/10/2009 các đồng thừa kế của cụ Tri lập biên bản thống nhất gia đình với nội dung cử đại diện cho 07 anh chị em là ông Lê Xuân D và bà Lê Thanh B được thay mặt nhận thừa kế, đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ghi rõ: “*khi ông Lê Xuân D và bà Lê Thanh B muốn sang nhượng, cầm cố, thế chấp hay sử dụng lô đất nói trên phải được sự đồng ý của 07 chị em*”. Ngày 02/11/2009, các đồng thừa kế của cụ Tri lập tờ khai di sản thừa kế và được UBND huyện Hòa Vang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 513758 ngày 29/4/2010 có thừa đất số 1179, tờ bản đồ số 7, địa chỉ thôn Quá Giáng 2, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đứng tên bà Lê Thanh B và ông Lê Xuân D.

Năm 2012, vợ chồng bà B xây dựng nhà ở trên diện tích đất của 07 anh chị em, trong đó các ông D, H, S cho rằng các anh chị em đã cho vợ chồng bà B và ông B biên diện tích đất 100m² để làm nhà ở. Các ông (bà) Kim H, C và H cho rằng tại thời điểm đó chỉ cho bà B làm nhà ở tạm, không phải cho lâu dài, do đó tài sản vẫn thuộc sở hữu chung của 07 anh chị em. Việc cho tài sản này không lập văn bản nên không có cơ sở xác nhận các đồng sở hữu thỏa thuận, thống nhất đã cho bà B phần diện tích đất 100m² và sau này được giải tỏa, bố trí tái định cư lô đất số 67 (lô phụ) tại đường

H, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không có ai đưa ra được tài liệu chứng cứ, chứng minh về việc các ông (bà) Kim H, D, H, H, C, S đã cho bà B nên không có cơ sở để xác định cho vợ chồng bà B và ông B lô đất số 67. Do đó, lô đất số 67 vẫn thuộc tài sản chung của 07 người.

Căn cứ các Điều 217, 218 Bộ luật dân sự thì 02 lô đất số 66 và 67 đường H, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng là tài sản chung của các ông (bà) Kim H, D, H, H, C, B, S (đã chết) có người kế thừa là các ông (bà) Châu Thị H, N, T, được các đồng sở hữu thỏa thuận, thống nhất giá trị của mỗi lô đất là 1.700.000.000 đồng. Do đó, bà Kim H khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung đối với 02 lô đất số 66 và 67, giá trị của mỗi lô là 1.700.000.000 đồng cho 07 đồng sở hữu là có căn cứ.

Tổng giá trị của 02 lô đất số 66 và 67 sau khi thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước là 3.006.009.216 đồng (*trong đó lô đất số 66 phải nộp tiền sử dụng đất 140.800.000 đồng, tiền lãi đến ngày xét xử 27/11/2019 là 24.773.760 đồng; lãi trong 60 ngày đầu là 633.600 đồng và lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là 24.140.160 đồng, giá trị còn lại là 1.534.426.240 đồng; lô đất số 67 phải nộp tiền sử dụng đất là 168.960.000 đồng, tiền lãi là 59.457.024 đồng; lãi trong 60 ngày đầu là 1.520.640 đồng và lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là 57.936.384 đồng, giá trị còn lại là 1.471.582.976 đồng*) và được phân chia cho 07 đồng sở hữu.

Tuy nhiên, năm 2012 các đồng sở hữu đã cho bà B làm nhà ở trên đất thuộc sở hữu chung, quá trình ở trên thửa đất bà B đã có công sức quản lý tài sản cũng như trong việc giải tỏa đền bù, bố trí tái định cư 02 lô đất số 66 và 67 nên Hội đồng xét xử xét thấy khi chia tài sản chung cần trích 5% giá trị tài sản chung về công sức quản lý tài sản cho bà Bình với số tiền là 150.300.460 đồng (*trong đó lô 66 là 1.534.426.240 x 5% = 76.721.312 đồng, lô 67 là 1.471.582.976 x 5% = 73.579.148 đồng*). Giá trị còn lại của tài sản chung là 2.855.708.751 đồng, được chia cho 07 đồng sở hữu và kỳ phần mỗi người được nhận có giá trị là 407.958.393 đồng (*lô đất số 66 là 1.457.704.928 : 7 = 208.243.561 đồng; lô đất số 67 là 1.398.003.828 đồng : 7 = 199.714.832 đồng*).

[2.3] Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm ông D, anh T đại diện cho các đồng thừa kế của ông S đã tự nguyện nhượng kỷ phần được chia của lô đất số 67 cho bà B, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm ông D thay đổi ý kiến đề nghị chia 02 lô đất số 66, 67 cho 07 đồng sở hữu và giao lô số 67 cho bà B, còn anh T vẫn giữ nguyên như ở tại giai đoạn sơ thẩm nhượng kỷ phần được chia của lô đất số 67 cho bà B.

Xét thấy, xuyên suốt giai đoạn sơ thẩm ông D đã tự nguyện nhượng kỷ phần được chia của lô đất số 67 cho bà B nên Hội đồng xét xử không chấp nhận sự thay đổi của ông D.

Như vậy, phần giá trị tài sản bà B được nhận là 407.958.393 đồng + (2 x 199.714.832 đồng) = 807.388.059 đồng và 5% giá trị về công sức quản lý tài sản là 150.300.460 đồng. Tổng cộng phần bà B được nhận là 957.688.519 đồng.

[2.4] Các ông (bà) Kim H, C, H, H có nguyện vọng được nhận bằng hiện vật là lô đất số 66, giao lô đất số 67 cho bà B. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của các ông (bà) Kim H, C, H, H giao lô đất số 66 cho các ông (bà) Kim H, C, H, H cùng được quyền sử dụng.

[2.5] Lô đất số 67 hiện do vợ chồng bà B, ông B đang quản lý, sử dụng, các ông (bà) Kim H, D, H, C, H và đồng thừa kế của ông S đồng ý giao cho bà B. Hội đồng xét xử chấp nhận về việc giao lô đất số 67 cho bà B được quyền sử dụng. Đồng thời, bà B có nghĩa vụ bồi đắp giá trị chênh lệch tài sản được nhận cho các đồng sở hữu còn lại tương ứng với giá trị tài sản được nhận, cụ thể như sau:

Bà Bình có nghĩa vụ bồi đắp cho ông D, đồng thừa kế của ông S (là các ông (bà) Châu Thị H, N, T) mỗi người số tiền là 208.243.561 đồng và các ông (bà) Kim H, H, C, H mỗi người số tiền là 24.351.833 đồng. Tổng số tiền bà B có nghĩa vụ bồi đắp là 513.894.457 đồng.

[2.6] Đối với giá trị tiền đền bù khi giải tỏa diện tích 350m² đất và tài sản trên đất các bên không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với công trình xây dựng trên lô đất số 67 thì các ông (bà) Kim H, D, H, H, C, B và đồng thừa kế của ông Sơn đều thừa nhận do vợ chồng ông B, bà B xây dựng nên không có ý kiến gì, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.7] Đối với yêu cầu độc lập của bà Lê Thị Xuân A, thì thấy: Ngày 30/3/2018, giữa bà A và ông Lê Chiến C (chú ruột bà A) có viết giấy tay đặt cọc thỏa thuận việc bà Anh được quyền mua lô đất tại đường H, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang với số tiền 50.000.000 đồng, nhưng không đặt cọc mua lô đất nào, diện tích bao nhiêu và thuộc quyền sử dụng của ai, chỉ đặt cọc nhằm giữ quyền mua lô đất, thời gian hoàn tất thủ tục sang nhượng tháng 4/2018.

Do đó, bà Anh cho rằng việc đặt cọc nhằm mua lô đất số 66 đường H, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng là không có căn cứ. Mặt khác, lô đất số 66 là tài sản chung của các đồng sở hữu gồm các ông (bà) Kim H, B, C, D, H, H và ông S nên ông C không có quyền định đoạt mua bán, chuyển nhượng cho bà A khi chưa được sự đồng ý của các đồng sở hữu.

Các ông (bà) B, D, H và người thừa kế của ông S đề nghị tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán, nhưng các ông (bà) H, Kim H, Cg không đồng ý và không biết, việc mua bán làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp của các ông (bà) nên không chấp nhận. Mặt khác, ngay từ lúc đặt cọc bà A đã biết lô đất số 66 là tài sản chung của 07 cô chú trong gia đình, ông C đứng ra đại diện ký nhận tiền đặt cọc mua bán trong đó có bà Kim H, bà H không biết, nên cả ông C và bà A đều có lỗi dẫn đến hợp đồng

đặt cọc không thỏa mãn điều kiện có hiệu lực theo quy định tại điều 117 Bộ luật dân sự nên bị vô hiệu. Do đó, không có cơ sở buộc ông C tiếp tục thực hiện hợp đồng như yêu cầu của bà A, mà cần buộc ông C phải trả lại cho bà A số tiền 50.000.000 đồng là phù hợp.

Đối với các chứng cứ là đoạn ghi âm giọng nói của ông Lê Chiến C, ông Lê Hồng S và bà Lê Thị Kim H do ông Nguyễn Điện B cung cấp và cuốn sổ ông Lê Xuân D cung cấp cho rằng đó là lời dặn của cha là ông Lê Đình Tri, không có cơ sở chứng minh các đồng thừa kế cho bà B lô đất số 67 nên không có cơ sở chấp nhận.

[2.7] Từ nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Xuân D, bà Lê Thanh B và ông Lê Đình T. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2019/DS-ST ngày 27/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng theo như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng và chi phí thẩm định giá là 13.000.000 đồng, tổng cộng 14.000.000 đồng, các ông (bà) Lê Thị Kim H, Lê Xuân D, Lê Quốc H, Lê Thu H, Lê Chiến C, Lê Thanh B, đồng thừa kế của ông Lê Hồng S gồm các ông (bà) Châu Thị H, Lê Thị Châu N, Lê Đình T phải chịu. Bà Kim H đã nộp và đã chi nên các ông (bà) D, H, H, C, B; người thừa kế của ông S gồm các ông (bà) Châu Thị H, N, T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Kim H mỗi người 2.000.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Lê Thị Kim H, ông Lê Xuân D được miễn tiền án phí do người cao tuổi theo quy định. Hoàn trả lại tiền tạm án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lê Thị Kim H.

+ Bà Lê Thu H, ông Lê Quốc H mỗi người phải chịu đối với tài sản được nhận có giá trị là 407.958.393 đồng, cụ thể phải chịu án phí là 20.000.000 đồng + $(4\% \times 7.958.393 \text{ đồng}) = 20.318.000 \text{ đồng}$.

+ Bà Lê Thanh B phải chịu đối với tài sản được nhận có giá trị là 957.688.519, cụ thể phải chịu án phí là 36.000.000 đồng + $(3\% \times 57.688.519 \text{ đồng}) = 37.730.600 \text{ đồng}$.

+ Các ông (bà) Châu Thị H, Lê Thị Châu N, Lê Đình T phải chịu đối với tài sản được nhận có giá trị là 208.243.561 đồng, cụ thể phải chịu án phí là 10.412.000 đồng.

+ Ông Lê Chiến C phải chịu đối với tài sản được nhận có giá trị là 407.958.393 đồng, cụ thể phải chịu án phí là 20.000.000 đồng + $(4\% \times 7.958.393 \text{ đồng}) = 20.318.000 \text{ đồng}$ và phải chịu 2.500.000 đồng đối với yêu cầu độc lập của bà Lê Thị Xuân A. Tổng cộng phải chịu là 22.818.000 đồng.

+ Bà Lê Thị Xuân A phải chịu 300.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo nên ông Lê Xuân D, bà Lê Thanh B và ông Lê Đình T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 2 Điều 308, các Điều 147, 148, 296 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 117, 207, 208, 218, 219, 328, 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Xuân D, bà Lê Thanh B và ông Lê Đình T;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp chia tài sản chung” của bà Lê Thị Kim H đối với bà Lê Thanh B và ông Lê Xuân D.

Xác định 02 (hai) lô đất số 66 và 67 tại đường H, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng là tài sản chung của bà Lê Thị Kim H, ông Lê Xuân D, ông Lê Quốc H, bà Lê Thu H, ông Lê Chiến C, bà Lê Thanh B và ông Lê Hồng S (có người thừa kế là bà Châu Thị H, chị Lê Thị Châu N, anh Lê Đình T).

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Lê Thị Xuân A đối với ông Lê Chiến C về việc “Tiếp tục thực hiện hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

3. Giao lô đất số 66 (lô chính) tại đường H, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng cho bà Lê Thị Kim H, ông Lê Quốc H, ông Lê Chiến C, bà Lê Thu H cùng đồng sở hữu, sử dụng.

(Sơ đồ đất theo Biên bản bàn giao lô đất thực tế tại khu B - khu dân cư Nam cầu Cẩm Lệ giai đoạn 1, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang ngày 08/7/2016 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng).

Buộc bà Lê Thị Kim H, ông Lê Quốc H, ông Lê Chiến C, bà Lê Thu H có nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất theo thông báo 3450 ngày 11/7/2016 của Trung tâm phát triển quỹ đất Đà Nẵng.

4. Giao lô đất số 67 (lô phụ) tại đường H, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng cho bà Lê Thanh B được quyền sử dụng.

(Sơ đồ lô đất theo Biên bản bàn giao lô đất thực tế tại khu B - khu dân cư Nam cầu Cẩm Lệ giai đoạn 1, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang ngày 08/7/2016 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng).

Buộc bà Lê Thanh B có nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất theo thông báo 3451 ngày 11/7/2016 của Trung tâm phát triển quỹ đất Đà Nẵng.

5. Buộc bà Lê Thanh B có nghĩa vụ bồi trả cho ông Lê Xuân D, ông Lê Hồng S (người thừa kế của ông S là bà Châu Thị H, chị Lê Thị Châu N, anh Lê Đình T) mỗi người số tiền là 208.243.561 đồng (hai trăm lẻ tám triệu, hai trăm bốn mươi ba nghìn, năm trăm sáu mươi một đồng).

6. Buộc bà Lê Thanh B có nghĩa vụ bồi trả cho bà Lê Thị Kim H, ông Lê Quốc H, ông Lê Chiến C, bà Lê Thu H mỗi người số tiền là 24.351.233 đồng (hai mươi bốn triệu, ba trăm năm mươi nghìn hai trăm ba mươi ba đồng).

7. Buộc ông Lê Chiến C có nghĩa vụ trả lại cho bà Lê Thị Xuân A số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Bà Lê Thị Kim H, ông Lê Quốc H, ông Lê Chiến C, bà Lê Thu H ông Nguyễn Điện B và bà Lê Thanh B có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sở hữu, sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

8. Buộc ông Lê Xuân D, ông Lê Quốc H, bà Lê Thu H, ông Lê Chiến C, bà Lê Thanh B có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Lê Thị Kim H mỗi người 2.000.000 đồng (hai triệu đồng); Bà Châu Thị H, chị Lê Thị Châu N, anh Lê Đình T (cả ba người) có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Lê Thị Kim H 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

9. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Lê Thị Kim H, ông Lê Xuân D được miễn án phí (người cao tuổi).

Hoàn trả cho bà Lê Thị Kim H số tiền tạm ứng án phí 7.125.000 đồng (bảy triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0002727 ngày 02/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng

+ Ông Lê Chiến C phải chịu 22.818.000 đồng (hai mươi hai triệu, tám trăm mười tám nghìn đồng).

+ Bà Lê Thu H, ông Lê Quốc H mỗi người phải chịu 20.318.000 đồng (hai mươi triệu, ba trăm mười tám nghìn đồng).

+ Bà Lê Thanh B phải chịu 37.730.600 đồng (ba mươi bảy triệu, bảy trăm ba mươi nghìn, sáu trăm đồng).

+ Bà Châu Thị H, chị Lê Thị Châu N, anh Lê Đình T cùng phải chịu 10.412.000 đồng (mười triệu, bốn trăm mười hai nghìn đồng).

+ Bà Lê Thị Xuân A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0002470 ngày 16/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

10. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Xuân D, bà Lê Thanh B, Ông Lê Đình T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

+ Hoàn trả cho bà Lê Thanh B số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu số 0002582 ngày 13/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

+ Hoàn trả cho ông Lê Đình T số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu số 0002584 ngày 13/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

11. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- TAND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoài Sơn

